

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Kế toán Mã số: 7340301

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành	1.2. Tên tiếng Anh: English for Accounting
1.3. Mã học phần: KTTACN.240	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Khắc Hoài Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên theo sự phân công của bộ môn
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần cung cấp các từ vựng, thuật ngữ bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán, các mẫu hội thoại được sử dụng đối với kế toán viên. Học phần này giúp sinh viên có khả năng hiểu được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh, giao tiếp trong môi trường làm việc. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Cung cấp cho người học một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Các giả định

và nguyên lý kế toán, Khấu hao, Bảng cân đối kế toán, Kế toán chi phí, Tỷ giá hối đoái, Chỉ số tài chính.

2.2.2. Về kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán.

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Nắm được các từ vựng và thuật ngữ trong lĩnh vực kế toán
CLO2	Vận dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn và ứng xử trong giao tiếp trong môi trường làm việc
CLO3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập/làm việc nhóm
CLO4	Cập nhật thường xuyên các thay đổi liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, đọc hiểu được các tài liệu về kế toán bằng tiếng Anh

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	M				I	R	R	M,A	I		M	
CLO 2	M	M	M					M,A				
CLO 3	R	R			I							
CLO 4										R	M	M
Tổng hợp học phần	M	M	M		I	R	R	M,A	I	R	M	M

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			x	CLO1, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Bài 1-5	30%	x	CLO 1, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 3 hoặc Rubric 4
		A2.2. Tuần 10: Bài 6 -10	30%	x	CLO 2, CLO 3	
		A2.3. Tuần 15: Bài 11-15	40%	x	CLO 2, CLO 3	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn hoặc Rubric 4

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Unit 1: Accounting and accountancy 1.1 Accounting 1.2 Auditing 1.3 Laws, rules and standards	3LT	1.1. Hiểu được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về kế toán như các ngành nghề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, các quy định, chuẩn mực về kế toán	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 1) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận	
2	Unit 2: Accounting assumptions and principles 2.1 Assumptions 2.2 Principles	3 LT	2.1. Hiểu được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về các giả định và nguyên lý kế toán	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 2) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

3	Unit 3: Depreciation and amortization 3.1 Fixed assets 3.2 Valuation 3.3 Depreciation systems	3 LT	3.1. Nắm được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về khấu hao tài sản và các phương pháp tính khấu hao	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 3) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Unit 4: The balance sheet 1 4.1 Assets, liabilities and capital 4.2 Shareholders' equity	3 LT	4.1. Nắm được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về bảng cân đối kế toán: tài sản, nguồn vốn và nợ phải trả	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 4) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	Unit 5: The balance sheet 2 5.1 Fixed and current assets 5.2 Valuation 5.3 Tangible and intangible assets	3 LT	5.1. Nắm được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về tài sản cố định, tài sản ngắn hạn, tài sản vô hình và tài sản hữu hình	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 5) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.1
6	Unit 6: The balance sheet 3 6.1 Liabilities 6.2 Accrued expenses	3 LT	6.1. Nắm được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng,	- Phần chuẩn bị ở nhà:	

	6.3 Shareholders' equity on the balance sheet		về nợ phải trả, chi phí dồn tích, vốn chủ sở hữu	CLO4	giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	Đọc trước nội dung (Bài 6) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	Unit 7: The other financial statements 7.1 The profit and loss account 7.2 The cash flow statement	3 LT	7.1. Nắm được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 7) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
8	Unit 8: Financial ratios 8.1 Types of financial ratios 8.2 Liquidity and solvency ratios 8.3 Earning and dividends 8.4 Profitability	3 LT	8.1. Nắm được các thuật ngữ và từ vựng trong chủ đề về tỷ số tài chính, tính thanh khoản, lợi nhuận, cổ tức	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (CBài 8) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
9	Unit 9: Cost accounting 9.1 Direct and indirect costs 9.2 Fixed and variable costs	3 LT	9.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề về kế toán chi phí, chi phí gián	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng,	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 9) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4]	

	9.3 Breakeven analysis		tiếp, chi phí trực tiếp, phân tích điểm hoà vốn		giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
10	Unit 10: Exchange rates 10.1 Why exchange rates change 10.2 Fixed and floating rates 10.3 Government intervention	3 LT	10.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ liên quan đến tỷ giá hối đoái, vì sao tỷ giá thay đổi, tỷ giá thả nổi và tỷ giá cố định và sự can thiệp của chính phủ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 10) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.2
11	Unit 11: Stocks and shares 1 11.1. Stocks, shares and equities 11.2. Going public 11.3. Ordinary and preference shares	3 LT	11.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ liên quan đến cổ phiếu: cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 11) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
12	Unit 12: Stocks and shares 2 12.1. Buying and selling shares 12.2. New shares issues 12.3. Categories of stock and shares	3 LT	12.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ liên quan đến mua bán, phát hành và phân loại cổ phiếu.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 12) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

13	Unit 13: Shareholders 13.1. Investors 13.2. Dividends and capital gains 13.3. Speculators	3 LT	13.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ liên quan đến cổ đông: đầu tư, cổ tức và đầu cơ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 13) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
14	Unit 14: Share prices 14.1. Influences on share prices 14.2. Predicting prices 14.3. Types of risks	3 LT	14.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ liên quan đến giá cổ phiếu, những yếu tố ảnh hưởng, dự đoán giá cổ phiếu và các rủi ro	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 14) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
15	Unit 15: Bonds 15.1. Government and corporate bonds 15.2. Prices and yields 15.3. Other types of bonds	3 LT	15.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ liên quan đến trái phiếu: trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các công ty, giá, và phân loại trái phiếu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 15) (tài liệu [1]) và tham khảo các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.3
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lê Khắc Hoài Thanh	2021	Bài giảng Tiếng Anh chuyên ngành	Bài giảng lưu hành nội bộ, ĐH Quảng Bình
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Sara, Helm	2010	Market Leader Accounting and finance	Pearson Longman
3	David Grant, Robert McLarly	2012	Business Focus	Oxford University Press.
4	Ian McKenzie	2010	Professional English in Use – Finance	Cambridge University Press.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A/C	Projector, máy tính cá nhân	1	Tất cả bài học

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 4.

Rubric 4: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Lê Khắc Hoài Thanh

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH (ENGLISH FOR ACCOUNTING)

Mã học phần: KTTACN.240

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu: phút, ngày tháng năm 2021

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu

1. ThS. Phan Thị Thu Hà Chủ tịch hội đồng
2. ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng Phản biện 1
3. TS. Bùi Khắc Hoài Phương Phản biện 2
4. ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng Ủy viên
5. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh Thư ký

2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:

- Phản biện 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: TS. Bùi Khắc Hoài Phương đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành đã có sự phân bổ cân đối về thời gian đối với các nội dung kiến thức, cần chỉnh sửa lại một số lỗi định dạng.

3. Kết luận của Hội đồng:

Về hình thức:

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức.

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên. Có khả năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

Kết luận: Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021
THƯ KÝ

ThS. Phan Thị Thu Hà

Lê Khắc Hoài Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Bùi Khắc Hoài Phương
2. TS. Trần Thị Thu Thủy
3. Nguyễn Thị Kim Phụng

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH (ENGLISH FOR ACCOUNTING)

Mã học phần: KTTACN.240

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 2, trang 6)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH (ENGLISH FOR ACCOUNTING)

Mã học phần: KTTACN.240

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 1, 2, 3)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

TS. Bùi Khắc Hoài Phương